

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1993;

Đăng ký HKTT: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: thôn V, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Thị Bích Ng, sinh ngày 24/7/2021;

Đăng ký HKTT: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: thôn V, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của cháu Ng: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị H là bố mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26/5/2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26/5/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T xác nhận, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích Ng, sinh ngày 24/7/2021. Ly hôn, chị H và anh T thỏa thuận thống nhất, giao cháu Ng cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 5/2025 cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T hàng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ng cùng chị H là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con đến khi thi hành án xong, nếu anh T không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T đều xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận, chị H tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24/0004593 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hưng Yên, chị H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã T, GCNKH số 48/2016;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền